

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11-AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2026/DS-ST
Ngày: 10/04/2026
V/v tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Bé và bà Trần Thị Kim Thoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11-An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-An Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 10 tháng 04 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11-An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 217/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2025, về việc “tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2026/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 03 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng H, trụ sở: tầng 4 – Tòa nhà N Hoàng Đạo T, phường T, quận C (nay là phường Y), Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Quốc C, chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết T, sinh ngày 14/6/1995, số căn cước công dân 094195006057, chức vụ cán bộ tín dụng Ngân hàng H - Chi nhánh A; địa chỉ: số A, đường H, khóm G, phường L, tỉnh An Giang - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 11/11/2024); có mặt.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Hồng N, sinh ngày 08/02/1984, số chứng minh nhân dân 351531378, số căn cước công dân 08984001288; địa chỉ: ấp M, thị trấn M, huyện C (nay là xã L), tỉnh An Giang; nơi công tác: Trường M; địa chỉ: ấp L, xã L (nay là xã N), tỉnh An Giang; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Viết V, sinh năm 1984, số chứng minh nhân dân 351532176; địa chỉ: ấp M, thị trấn M, huyện C (nay là xã L), tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn Ngân hàng H có văn bản trình bày: Ngày 15/11/2019, bà Huỳnh Thị Hồng N1 ông Trần Viết V có lập và ký tên trên Phương án sử dụng vốn và cam kết trả nợ gửi đến Ngân hàng H Chi nhánh A. Ngày 19/11/2019 Bà Huỳnh Thị Hồng N và Ngân hàng H Chi nhánh A ký kết Hợp đồng cho vay (HĐCV) số TD52700023 căn cứ theo phương án sử dụng và cam kết trả nợ của Bà N, với nội dung HĐCV như sau:

Số tiền vay: 100.000.000 đồng; Mục đích sử dụng tiền vay: Phục vụ nhu cầu đời sống; Thời hạn vay: 60 tháng (từ 19/11/2019 đến ngày 19/11/2024); Mức lãi suất cho vay: 12%/năm; Nguồn trả nợ từ lương, thưởng, phụ cấp hàng tháng; Số tiền cho vay được trả nợ thành 60 kỳ hạn. Trả nợ gốc và lãi vào ngày 25 của mỗi tháng. Số tiền gốc mỗi kỳ hạn là 1.680.000 đồng, số tiền gốc kỳ hạn cuối cùng là 880.000 đồng. Ngày 01/05/2020, Ngân hàng T1 điều chỉnh giảm lãi suất của hợp đồng cho vay của Bà N xuống 11,04%/năm. Ngày 15/09/2021, Ngân hàng T1 điều chỉnh giảm lãi suất của hợp đồng cho vay của Bà N xuống 10,04%/năm.

Đến tháng 05/2021 Bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết trong hợp đồng cho vay. Ngân hàng Hợp tác đã nhiều lần gửi thông báo về việc trễ hạn trả nợ đến Bà Huỳnh Thị Hồng N. Tuy nhiên Bà N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngày 29/11/2021 Ngân hàng gửi thông báo về việc chuyển nợ quá hạn đến Bà Huỳnh Thị Hồng N Tính đến ngày 15/07/2025, tổng số tiền nợ vay là 79.026.187 đồng. Trong đó: tiền gốc quá hạn là 48.907.654 đồng, lãi trong hạn là 12.636.356 đồng, lãi quá hạn là 17.482.177 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay Bà Huỳnh Thị Hồng N và Ông Trần Viết V không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng H Chi nhánh A theo quy định. Bà Huỳnh Thị Hồng N đã vi phạm các cam kết, thỏa thuận trong hồ sơ vay vốn. Sau nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở đến nay Bà N vẫn không thực hiện đúng như đã cam kết, đến nay khoản vay chưa thu hồi được. Hiện tại Ngân hàng H Chi nhánh A và Bà Huỳnh Thị Hồng N và Ông Trần Viết V1 chưa có thông qua hòa giải ở cơ sở.

Căn cứ theo khoản 4, điều 2, thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức cho vay, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng thì cho vay phục vụ đời sống bao gồm việc TCTD cho vay đối với khách hàng là cá nhân để thanh toán các chi phí cho mục đích sinh hoạt gia đình cá nhân đó.

Căn cứ theo quy định tại khoản 2, điều 3, luật hôn nhân và gia đình thì gia đình là tập hợp những người gắn bó với nhau do hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa họ với nhau. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp Ngân hàng H Chi nhánh A kính đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang xem xét giải quyết buộc Bà Huỳnh Thị Hồng N và ông Trần Viết V phải thực hiện ngay nghĩa vụ trả nợ với tổng số 79.026.187 đồng (Bảy mươi chín triệu không trăm hai mươi sáu ngàn một trăm tám mươi bảy đồng). Trong đó, tiền gốc là 48.907.654 đồng, tiền lãi tính đến

ngày 15/07/2025 là 30.118.533 đồng và tiền lãi phát sinh thực tế theo hợp đồng cho vay số TD52700033 ngày 19/11/2019.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Tuyết T là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng H trình bày: Ngân hàng H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo đơn, đến xét xử ngày 10/04/2026 bà Huỳnh Thị Hồng N còn nợ vốn gốc là 48.907.654 đồng, lãi 35.546.801 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Thị Hồng N, ông Trần Viết V không gửi ý kiến cho Tòa án, ông V vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng N trình bày: Bà N thừa nhận có vay tiền và còn nợ tiền theo yêu cầu khởi kiện của ngân hàng nhưng đây là nợ cá nhân bà N, việc vay là vay tín tín chấp không liên quan với chồng là ông Trần Viết V. Hiện nay gia đình bà N đang gặp khó khăn, xin được trả dần chia nhỏ ra, mỗi tháng trả 700.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Viết V không gửi ý kiến cho Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngân hàng H khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng dân sự với bà Huỳnh Thị Hồng N. Bà N có nơi cư trú trên địa bàn xã L. Căn cứ các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định.

[2] Ông Trần Viết V vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ngân hàng H khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Hồng N trả tiền nợ vay còn thiếu tính đến ngày .../04/2026, bà Huỳnh Thị Hồng N, ông Trần Viết V còn nợ Ngân hàng H tổng số tiền vốn gốc 48.907.654 đồng. Theo hợp đồng cho vay số TD52700033 ngày 19/11/2019, các bên đã tự nguyện giao kết, nội dung thỏa thuận phù hợp với quy định cho nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, do bà N vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho nên việc khởi kiện của Ngân hàng H đòi bà N trả tiền vay là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H.

[4] Ngân hàng H khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Hồng N, phải trả lãi, Thấy rằng, theo hợp đồng, được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận và được thực hiện giải ngân. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng H khởi kiện yêu cầu tính lãi phát sinh, tính đến ngày xét xử ...đồng. Theo hợp đồng tín dụng, được giao kết giữa các bên, theo đó các bên thỏa thuận lãi suất vay ghi trong hợp đồng là 12%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Tiền

lãi các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật được hướng dẫn tại khoản 2 Điều 8, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và phù hợp với án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016, nên yêu cầu tính lãi của Ngân hàng H đến ngày xét xử được Tòa án chấp nhận và tiền lãi phát sinh được tính kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi theo hợp đồng cho vay.

[5] Đối với việc Ngân hàng H yêu cầu ông Trần Viết V cùng liên đới với bà N trả tiền, Hội đồng xét xử thấy rằng: theo Phương án sử dụng vốn và cam kết trả nợ lập ngày 15/11/2019 của bà Huỳnh Thị Hồng N, có xác nhận của ông Trần Viết V, cho nên Tòa án cần buộc ông Trần Viết V cùng liên đới với bà N trả tiền.

[6] Đối với yêu cầu của bà N xin trả dần hằng tháng, mỗi tháng là 700.000đồng; Người đại diện của ngân hàng xác định Ngân hàng không đồng ý và Tòa án không có căn cứ áp dụng cho trả dần cho nên Tòa án chỉ buộc bị đơn có nghĩa vụ trả tiền.

[7] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;
- Các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H và xử như sau:

1) Buộc bà Huỳnh Thị Hồng N có nghĩa vụ liên đới với ông Trần Viết V trả cho Ngân hàng H số tiền gồm các khoản sau: vốn gốc 48.907.654 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu chín trăm lẻ bảy nghìn sáu trăm năm mươi bốn đồng), lãi 35.546.801 đồng (Bằng chữ: Ba mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm lẻ một đồng).

2) Kể từ ngày 11/04/2026, bà Huỳnh Thị Hồng N có nghĩa vụ liên đới với ông Trần Viết V trả cho Ngân hàng H số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay số TD52700033 ngày 19/11/2019.

3) Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Ngân hàng H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 1.975.000đồng (Bằng chữ: Một triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003553 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Buộc bà Huỳnh Thị Hồng N có nghĩa vụ liên đới với ông Trần Viết V phải chịu án phí sơ thẩm là 4.223.000đồng (Bằng chữ: Bốn triệu hai trăm hai mươi ba nghìn đồng).

6) Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11-An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hùng